

Số: 14/QĐ-HĐQT

Biên Hòa, ngày 10 tháng 11 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin
của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VLXD BIÊN HÒA**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 30/QĐ-HĐQT ngày 01/9/2017 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát Công ty; cùng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TC.



Biên Hòa, ngày 10 tháng 11 năm 2021

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT
VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/VLXD-TC ngày 10/11 /2021
của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa)*

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBCK ngày 14 tháng 07 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29 tháng 09 năm 2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.

Hội đồng quản trị triển khai xây dựng và ban hành Quy chế công bố thông tin Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa theo các quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật có liên quan; việc phối hợp quan hệ công tác giữa các phòng ban, các cá nhân liên quan thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa (BBCC)

2. Nhà đầu tư giao dịch mua - bán cổ phiếu Công ty, bao gồm:

a) Người nội bộ của BBCC:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị; người đại diện theo pháp luật; Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

- Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát Công ty;

- Người phụ trách quản trị công ty; người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.

b) Người có liên quan của Người nội bộ Công ty:

- Công ty và Người nội bộ của Công ty;

- Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

- Công ty, Người nội bộ Công ty mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

- Bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Người nội bộ Công ty;

- Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho Công ty, người nội bộ Công ty;

- Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

c) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của BBCC.

d) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của BBCC.

e) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của BBCC.

Điều 3. Chữ viết tắt

1. “*Công ty*” hoặc “*BBCC*” là Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa.
2. “*HDQT*” : Hội đồng quản trị.
3. “*GD*” : Giám đốc.
4. “*BKS*” : Ban Kiểm soát.
5. “*DHĐCĐ*” : Đại hội đồng cổ đông.
6. “*NNB*” : Người nội bộ.
7. “*NCLQ*” : Người có liên quan.
8. “*BCTC*” : Báo cáo tài chính.
9. “*UBCKNN*” : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
10. “*SGDCK/HNX*” : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
11. “*VSD*” : Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Điều 4. Nguyên tắc và ngôn ngữ công bố thông tin

1. Nguyên tắc công bố thông tin

a) Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 5 Quy chế này.

b) Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

c) Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

d) Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân.

e) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu trữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu trữ trên trang thông tin điện tử của các đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.

f) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu trữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin trong tối thiểu 05 năm.

2. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

1. Các đối tượng công bố thông tin là tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 người được ủy quyền công bố thông tin của tổ chức đó.

a) Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố

b) Tổ chức phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cùng với Bản cung cấp thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán tối thiểu 24 giờ trước khi việc chỉ định, ủy quyền và thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I - Thông tư 96/2020/TT-BTC, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III - Thông tư 96/2020/TT-BTC.

2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (Công ty chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán hoặc tổ chức khác) hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:

a) Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III - Thông tư 96/2020/TT-BTC và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên;

b) Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan.

c) Nhà đầu tư cá nhân báo cáo, báo cáo lại thông tin về người được ủy quyền công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục II - Thông tư 96/2020/TT-BTC, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III - Thông tư 96/2020/TT-BTC (trường hợp người được ủy quyền công bố thông tin là cá nhân).

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán;
- d) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật trong một số trường hợp:

- Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

- Báo in, Báo điện tử,...

2. Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

3. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

4. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác.

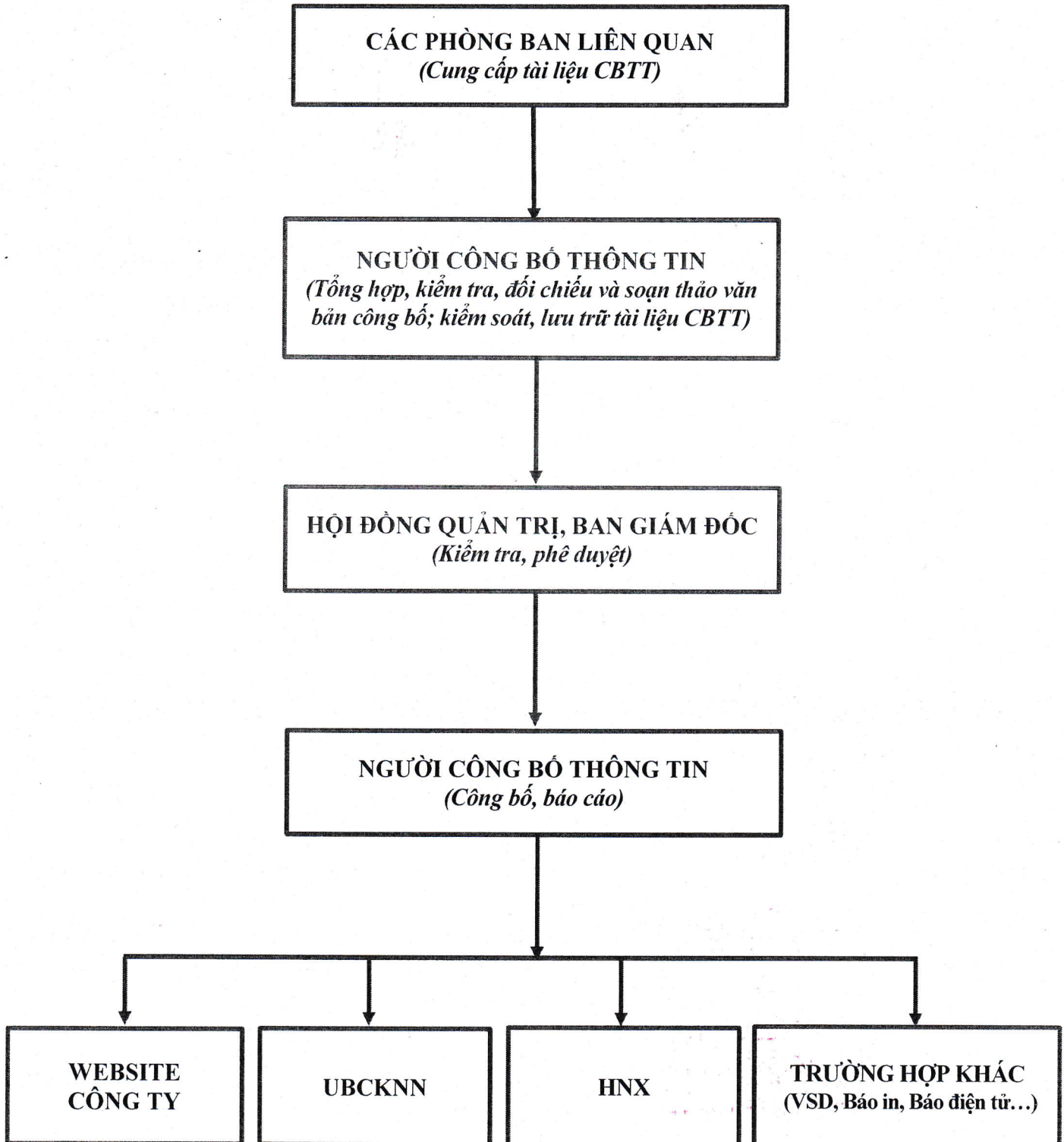
2. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

3. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

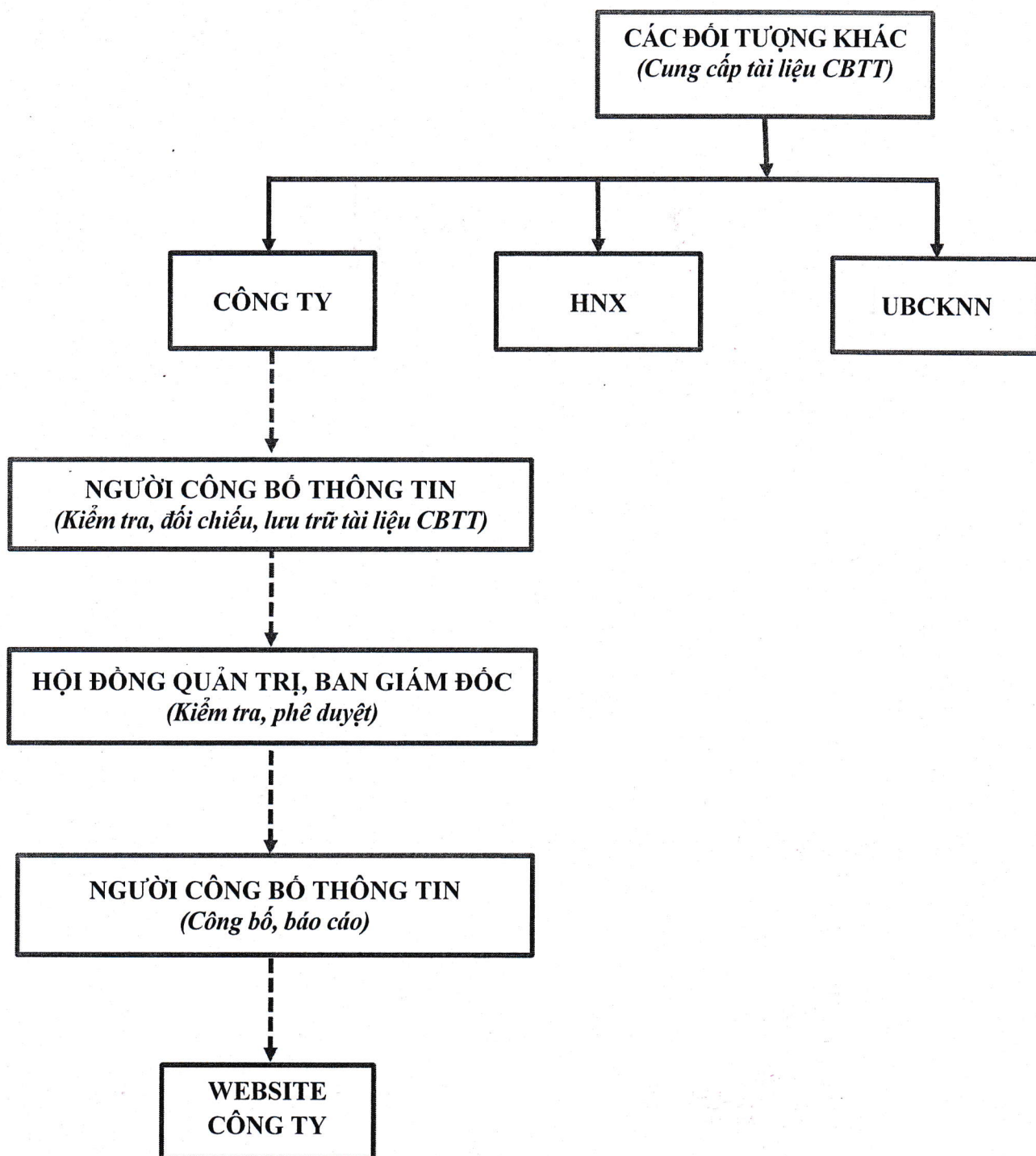
Chương II
NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 8. Sơ đồ quy trình công bố thông tin

1. Áp dụng cho đối tượng là Công ty theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy chế này.



2. Áp dụng cho đối tượng là Nhà đầu tư giao dịch mua - bán cổ phiếu Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy chế này.



Điều 9. Các nội dung công bố thông tin

1. Các phòng ban liên quan của Công ty thực hiện việc cung cấp thông tin theo quy định theo từng phụ lục cụ thể trong Phụ lục 1 Quy chế này.

- a) Phòng Kế toán - Tài vụ : Phụ lục 1.1
- b) Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị - Lao động tiền lương : Phụ lục 1.2
- c) Phòng Kế hoạch - Đầu tư : Phụ lục 1.3
- d) Trưởng Ban kiểm soát : Phụ lục 1.4

2. Các nhà đầu tư mua bán cổ phiếu Công ty thực hiện việc cung cấp thông tin theo quy định theo Phụ lục 2 Quy chế này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm phối hợp giữa người thực hiện công bố thông tin và các phòng, ban, cá nhân có liên quan

1. Người thực hiện công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGDC, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

2. Người thực hiện công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đôn đốc các phòng, ban, cá nhân có liên quan cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này.

3. Trưởng các phòng, ban, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho Người thực hiện công bố thông tin.

Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng, ban, cá nhân liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin cho người thực hiện công bố thông tin trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.

Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định kể từ khi ban hành quyết định/nghị quyết và công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

4. Người thực hiện công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.

Điều 11. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Người thực hiện công bố thông tin, phòng, ban, cá nhân liên quan có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Đối với vi phạm phát sinh từ Người thực hiện công bố thông tin: việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Đối với vi phạm phát sinh từ phòng, ban, cá nhân liên quan: việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Giám đốc Công ty.

Điều 12. Bổ sung và sửa đổi Quy chế

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được Hội đồng quản trị Công ty xem xét trên cơ sở đề nghị của Người thực hiện công bố thông tin của Công ty.

2. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động công bố thông tin chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh trong hoạt động công bố thông tin.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 3 Chương 13 Điều và có hiệu lực thi hành từ ngày 10/11/2021.

2. Người thực hiện công bố thông tin và các cá nhân, tổ chức liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này. /.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Xuân Đạo

PHỤ LỤC 1

HƯỚNG DẪN CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN
CUNG CẤP TÀI LIỆU CÔNG BỐ THÔNG TIN

PHỤ LỤC 1.1: PHÒNG KẾ TOÁN – TÀI VỤ

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	GHI CHÚ
A. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ				
1	Báo cáo tài chính quý	Trong thời hạn 20 ngày , kể từ ngày kết thúc quý.	Tối thiểu 2 ngày, trước thời hạn CBTT cuối cùng.	
2	Báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có)	Trong thời hạn 05 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 45 ngày , kể từ ngày kết thúc quý.	Tối thiểu 2 ngày, trước thời hạn CBTT cuối cùng.	
3	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 45 ngày , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Tối thiểu 2 ngày, trước thời hạn CBTT cuối cùng.	
4	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 90 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Tối thiểu 2 ngày, trước thời hạn CBTT cuối cùng.	
5	<p>Chú ý khi công bố thông tin Báo cáo tài chính phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra 1 trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc 	Công bố thông tin giải trình đồng thời với Báo cáo tài chính.	Tối thiểu 2 ngày, trước thời hạn CBTT cuối cùng.	

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	GHI CHÚ
	<i>ngược lại.</i>			
B. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG				
1	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	
2	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật).	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	
3	Ý kiến kiểm toán hay kết luận soát xét không phải là ý kiến hay kết luận chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với Báo cáo tài chính.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	
4	Kết quả điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính (nếu có - theo ý kiến kiểm toán hay kết luận soát xét).	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	
5	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết. <i>(Ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo quy định, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện đăng ký theo Mẫu 06_CBT/SGDHN).</i>	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	Mẫu 06_CBT/SGDHN N- Quyết định 606/QĐ-SGDHN <i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
6	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	GHI CHÚ
	tài chính hợp nhất.			
7	Nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
8	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
9	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
10	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
11	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
12	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
13	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
14	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Trong thời hạn 10 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	Tối thiểu 2 ngày, trước thời hạn CBTT cuối cùng.	
15	Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.	Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định kể từ khi ban hành quyết định/nghị quyết và công bố	Điểm e Khoản 2 Điều 10 Quyết định 606/QĐ-SGDHN quy định về việc CBTT.	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên</i>

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	GHI CHÚ
		thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.		<i>quan</i>
C. CÔNG BỐ THÔNG TIN CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC				
1	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán		<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
2	Tổng tài sản (ghi trong sổ kế toán) giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của chính mình.	CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán		<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>

PHỤ LỤC 1.2: PHÒNG TỔ CHỨC – HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ - LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	GHI CHÚ
A. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ				
1	Báo cáo thường niên	Trong thời hạn 20 ngày , kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 110 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Trước thời hạn CBTT cuối cùng là 02 ngày.	Phụ lục IV- Thông tư 96/2020/TT-BTC
2	Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng.	Trong thời hạn 30 ngày , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch.	Tối thiểu 2 ngày, trước thời hạn CBTT cuối cùng.	Phụ lục V- Thông tư 96/2020/TT-BTC
3	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm.	Trong thời hạn 30 ngày , kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.	Tối thiểu 2 ngày, trước thời hạn CBTT cuối cùng.	Phụ lục V- Thông tư 96/2020/TT-BTC
4	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội.	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	Tối thiểu 2 ngày, trước thời hạn CBTT cuối cùng.	

5	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông.	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ.	Tối thiểu 2 ngày, trước thời hạn CBTT cuối cùng.	
6	Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội. <i>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i>	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ.	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	
7	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết.	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình và gửi cho tất cả các cổ đông.	Tối thiểu 2 ngày, trước thời hạn CBTT cuối cùng.	Trường họp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
8	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội. <i>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i>	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông.	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	Trường họp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
9	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng đầu năm dương lịch.	Chậm nhất là ngày 30/07 (Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/06).		Mẫu 01_CBT T/SGDH N- Quyết định 606/QĐ-SGDHN
10	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng cuối năm dương lịch.	Chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo (Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/12).		Mẫu 01_CBT T/SGDH N- Quyết định 606/QĐ-SGDHN
B. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG				
1	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>

2	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	Mẫu 05_CBT T/SGDH N- Quyết định 606/QĐ-SGDHN
3	Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
4	Quyết định mua lại cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	
5	Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	
6	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	
7	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	
8	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp, phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	
9	Quyết định thay đổi mã số thuế, tên công ty, con dấu của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
10	Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
11	Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ	

			khí phát sinh sự kiện công bố	
12	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết <i>(Ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo quy định, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện đăng ký theo Mẫu 06_CBT/SGDHN).</i>	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	Mẫu 06_CBT/SGDHN N- Quyết định 606/QĐ-SGDHN <i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
13	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
14	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:			Mẫu 07_CBT/SGDHN N- Quyết định 606/QĐ-SGDHN
14.1	<i>Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;</i>	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	
14.2	<i>Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;</i>	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	
14.3	<i>Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.</i>	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	

15	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời Công ty gửi cho UBCKNN, SGCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo Phụ lục III - Thông tư 96/2020/TT-BTC.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	Mẫu 02_CBT T/SGDH N- Quyết định 606/QĐ-SGDHN
16	Trường hợp có phát sinh thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty thực hiện báo cáo SGCK theo Mẫu 04_CBTT/SGDHN và Mẫu 03_CBTT/SGDHN.	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi.	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	Mẫu 03+04_C BTT/SG DHN- Quyết định 606/QĐ-SGDHN
17	Nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	
18	Nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
19	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
20	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
21	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
22	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh	<i>Phối hợp cùng các phòng</i>

	của công ty.		sự kiện công bố	<i>ng nghiệp vụ liên quan</i>
23	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	
24	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	
25	Công ty gửi thông báo đến SGĐCK về việc kết thúc việc công bố thông tin theo quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn theo Mẫu 10_CBT/SGDHN .	Trong vòng 05 ngày làm việc trước ngày kết thúc thời hạn công bố thông tin quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn.	Tối thiểu 2 ngày, trước thời hạn CBTT cuối cùng.	Mẫu 10_CBT/SGDHN - Quyết định 606/QĐ-SGDHN
26	Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.	Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định kể từ khi ban hành quyết định/ngợi quyết và công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.	Điểm e Khoản 2 Điều 10 Quyết định 606/QĐ-SGDHN quy định về việc CBTT.	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>

C. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

1	<p>Theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán khi:</p> <p>1) Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;</p> <p>2) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.</p>	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu.	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
---	--	---	--	--

D. CBTT LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

1	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSD, báo cáo cho SGĐCK đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan.	Tối thiểu 20 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ).	Tối thiểu 2 ngày, trước thời hạn CBTT cuối cùng.	
		Tối thiểu 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện các quyền khác).	Tối thiểu 2 ngày, trước thời hạn CBTT cuối cùng.	
2	Trường hợp hủy nội dung thông	Trong thời hạn 24 giờ kể	Điểm f Khoản	

	báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện, các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK, công ty CBTT và gửi thông báo cho SGDCK nêu rõ lý do hủy.	từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.	2 Điều 10 Quyết định 606/QĐ-SGDHN quy định về việc CBTT.	
E. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC				
1	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.		<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
2	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài (trên trang thông tin điện tử của Công ty, UBCKNN, SGDCK, VSD).	Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên Thị trường chứng khoán Việt Nam.		
3	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.		
4	Tổng tài sản (ghi trong sổ kế toán) giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của chính mình.	CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán.		<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>

PHỤ LỤC 1.3: PHÒNG KẾ HOẠCH – ĐẦU TƯ

ST T	NỘI DUNG	THỜI HẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	GHI CHÚ
A. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG				
1	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
2	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	Mẫu 05_CBTT/S GDHN- Quyết định 606/QĐ-SGDHN
3	Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự	<i>Phối hợp cùng các phòng</i>

	hỏi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.		kiện công bố	<i>nghiệp vụ liên quan</i>
4	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp, phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
5	Quyết định thay đổi mã số thuế, tên công ty, con dấu của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
6	Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
7	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	
8	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết. (Ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo quy định, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện đăng ký theo Mẫu 06_CBT/SGDHN).	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	Mẫu 06_CBT/SGDHN-Quyết định 606/QĐ-SGDHN <i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
9	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
10	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>

	nhất.			
11	Nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
12	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
13	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
14	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
15	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
16	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
17	Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.	- Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định kể từ khi ban hành quyết định/nghị quyết và công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.	Điểm e Khoản 2 Điều 10 Quyết định 606/QĐ-SGDHN quy định về việc CBTT	<i>Phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ liên quan</i>
B. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC				
18	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết,	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát		<i>Phối hợp cùng các</i>

đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.		<i>phòng nghiệp vụ liên quan</i>
---	--	--	----------------------------------

PHỤ LỤC 1.4: TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	GHI CHÚ
A. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG				
1	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng).	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	
2	Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi phát sinh sự kiện công bố	

PHỤ LỤC 2**HƯỚNG DẪN CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC
CUNG CẤP TÀI LIỆU CÔNG BỐ THÔNG TIN**

1. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

a) Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK theo mẫu quy định tại **Phụ lục VII - Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

b) Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, UBCKNN và SGDCK **trong thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại **Phụ lục VIII - Thông tư 96/2020/TT-BTC**.

Ví dụ: Nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.

c) Quy định tại điểm a, b khoản 1 Phụ lục này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại **Phụ lục IX, Phụ lục X - Thông tư 96/2020/TT-BTC**.

d) Quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Phụ lục này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Công ty phát hành thêm cổ phiếu.

đ) Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty **trong thời hạn 03 ngày làm việc** sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Khoản 1 này.

2. Công bố thông tin của của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

a) Người nội bộ của Công ty (sau đây gọi chung là người nội bộ) và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải

công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Công ty, UBCKNN, SGDCK **khí giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi),** kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

- Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch **tối thiểu 03 ngày làm việc**, NNB và NCLQ phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, UBCKNN, SGDCK về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại **Phụ lục XIII, Phụ lục XIV - Thông tư 96/2020/TT-BTC**;

- Thời hạn thực hiện giao dịch **không được quá 30 ngày**, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. NNB và NCLQ phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã công bố thông tin và **chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố** từ SGDCK (*Trừ trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại mục này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai*);

- NNB và NCLQ không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; (*ngoại trừ trường hợp công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là NCLQ của NNB thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký*);

- Trong thời hạn **05 ngày làm việc**, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, NNB và NCLQ phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, UBCKNN, SGDCK về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại **Phụ lục XV, Phụ lục XVI - Thông tư 96/2020/TT-BTC**;

- NNB và NCLQ là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Phụ lục này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với NNB và NCLQ.

b) NNB và NCLQ không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại điểm a khoản 2 Phụ lục này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Phụ lục này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Phụ lục này.

c) Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của Công ty hoặc NCLQ của NNB này, đối tượng đăng ký giao dịch

vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại điểm a khoản 2 Phụ lục này.

d) Trường hợp công ty chứng khoán là NCLQ của NNB của Công ty, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán phải báo cáo Công ty, UBCKNN, SGDCK trong **thời hạn 24 giờ**, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

đ) Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Công ty, phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với NNB và NCLQ.

e) Trong thời hạn **03 ngày làm việc** sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của NNB và NCLQ, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.